



Working Paper 2024.1.4.13
- Vol 1, No 4

BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI CÁC QUỐC GIA CHÂU Á: VAI TRÒ CỦA TỰ DO HOÁ TÀI CHÍNH VÀ TỰ DO HOÁ THƯƠNG MẠI

Trần Ngọc Quỳnh Giang¹

Sinh viên K60 – Lớp K60E - Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại Thương Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh

Nguyễn Đăng Khoa, Nguyễn Thanh Tâm

Sinh viên K60 – Lớp K60D - Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại Thương Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh

Trịnh Hoàng Oanh

Sinh viên K60 – Lớp K60F - Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại Thương Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Mai

Giảng viên Cơ sở II

Trường Đại học Ngoại Thương Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Nghiên cứu đo lường tác động của tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính đến bất bình đẳng thu nhập của 43 quốc gia tại Châu Á giai đoạn 2000 - 2020. Kết quả nghiên cứu từ phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) cho thấy tự do hóa thương mại làm trầm trọng hơn tình trạng bất bình đẳng thu nhập, ngược lại với tác động của tự do hóa tài chính. Ngoài ra, học thuyết Kuznets cũng được kiểm định và được thừa nhận trong trường hợp các quốc gia Châu Á. Đặc biệt nghiên cứu còn phát hiện sự khác biệt theo thu nhập và chất lượng thể chế trong mức độ tác động của tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính đến bất bình đẳng thu nhập. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị tập trung vào (1) cân bằng chính sách tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội trong bối

¹ Tác giả liên hệ, Email: k60.2111113329@ftu.edu.vn

cạnh toàn cầu hóa, (2) xây dựng thể chế chính trị hiệu quả và minh bạch nhằm giúp các quốc gia giảm bất bình đẳng thu nhập và hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Từ khoá: bất bình đẳng thu nhập, tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính, bình phương tối thiểu tổng quát, châu Á

INCOME INEQUALITY IN ASIAN COUNTRIES: THE ROLE OF FINANCIAL LIBERALIZATION AND TRADE LIBERALIZATION

Abstract

The study investigates the impact of trade and financial liberalization on income inequality in 43 Asian countries in the period 2000-2020. The results from the Generalized Least Squares (GLS) method show that trade liberalization exacerbates income inequality, while financial liberalization has the opposite effect. Additionally, Kuznets hypothesis is tested and confirmed in the case of Asian countries. Notably, the study also finds income and institutional quality differences in the impact of trade and financial liberalization on income inequality. Based on these findings, the study proposes several recommendations focusing on (1) balancing economic growth and social security policies in the context of globalization, and (2) building effective and transparent political institutions to help countries reduce income inequality and achieve sustainable economic development goals.

Keywords: income inequality, trade liberalization, financial liberalization, generalized least squares, Asia.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn từ những năm 1980 đến nay, bất bình đẳng thu nhập có xu hướng gia tăng mạnh mẽ ở hầu hết các quốc gia trên thế giới (Chancel và cộng sự, 2022). Theo Kuznets (1955) bất bình đẳng thu nhập diễn ra khi hầu hết dân số đều có mức thu nhập dưới trung bình, trong khi đó, một bộ phận nhỏ dân số lại có mức thu nhập tương đối cao trong một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ. Giữa các quốc gia khác nhau, xu hướng này có sự khác biệt rõ rệt. Cụ thể, một số quốc gia như Mỹ, Nga, Ấn Độ có sự gia tăng bất bình đẳng một cách đáng kể, trong khi các nước châu Âu và Trung có mức gia tăng trong bất bình đẳng tương đối nhỏ. Xu hướng tăng lên trong bất bình đẳng thu nhập dần trở thành vấn đề đáng lo ngại bởi nó gây tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và cản trở nỗ lực giảm nghèo (Dabla-Norris và cộng sự, 2015).

Trong nỗ lực nghiên cứu của các nhà hoạch định chính sách, toàn cầu hoá kinh tế ngày càng tăng là một trong những yếu tố liên quan mật thiết đến bất bình đẳng thu nhập, đặc biệt là các chính sách liên quan đến tự do hoá thương mại và tự do hoá tài chính (Seguino và cộng sự, 2013). Theo lý thuyết Heckscher - Ohlin và Stolper - Samuelson (HO-SS), mở cửa thương mại sẽ làm giảm bất bình đẳng thu nhập ở các nước đang phát triển và làm tăng bất bình đẳng thu nhập ở các nước phát triển. Đồng thời, sự mở cửa tài chính được kỳ vọng sẽ giúp ích cho người nghèo và tác động tích cực đến thu nhập của họ bằng cách giảm bớt những hạn chế về tín dụng, giúp thu nhập của người nghèo sẽ tăng lên và bất bình đẳng thu nhập giảm xuống (Heimberger và cộng sự, 2019).

Tại các quốc gia châu Á, tình trạng bất bình đẳng thu nhập ngày càng gia tăng và trở thành vấn đề được bàn luận sôi nổi. Khi xem xét đến tác động của tự do hoá thương mại, nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới cho thấy Đông Á và Thái Bình Dương là khu vực vốn đã có độ mở thương mại cao, có thể sẽ thu được nhiều lợi ích kinh tế đáng kể hơn từ việc tự do hóa, trong đó Campuchia, Việt

Nam và các nước có thu nhập trung bình thấp khác được hưởng lợi nhiều nhất. Điều này được xem là động lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cho rằng việc hội nhập kinh tế trong khu vực sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng nhưng đồng thời gây nên bất bình đẳng về thu nhập. Mặt khác, tự do hoá tài chính cũng là một trong những yếu tố tác động mạnh mẽ đến bất bình đẳng thu nhập. Chính sách tự do hóa tài chính ở các nền kinh tế mới nổi tại châu Á bắt đầu vào những năm 1980, thông qua các chính sách tự do hóa lãi suất, các chính sách vĩ mô, bãi bỏ quy định của hệ thống ngân hàng và thị trường vốn nhằm khuyến khích dòng vốn đầu tư nước ngoài (Shaharuddin và cộng sự, 2020). Quá trình toàn cầu hóa khiến các quốc gia trên thế giới mở tài khoản vốn, làm tác động đến tăng trưởng kinh tế, lao động và bất bình đẳng thu nhập (Hossain & Amin, 2022).

Xuất phát từ vấn đề đáng quan tâm đối với các nhà hoạch định chính sách, nghiên cứu này là nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên ở các quốc gia khu vực châu Á của đo lường tác động của tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính đến bất bình đẳng thu nhập. Từ đó, giúp các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách có thêm dữ liệu để phân tích đánh giá, nhận định và đưa ra những giải pháp mới phù hợp hơn nhằm hạn chế tình trạng bất bình đẳng thu nhập giữa các quốc gia.

2. Cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính và bất bình đẳng thu nhập

Lý thuyết phát triển đã nghiên cứu sự bất bình đẳng chủ yếu ở khía cạnh vật chất, bao gồm thu nhập, của cải, tiền lương, sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục (UNDP, 2013). Theo UNDP (2013), bất bình đẳng thu nhập (BBĐTN) là một khía cạnh cụ thể của bất bình đẳng và ảnh hưởng đến hạnh phúc của con người do BBĐTN có một mối quan hệ chặt chẽ với bất bình đẳng sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục. BBĐTN là một chủ đề được thảo luận rất nhiều trong những thập kỷ gần đây nhưng vẫn chưa có nghiên cứu nào đưa ra định nghĩa cụ thể về khái niệm này (WIL, 2018). Kuznets (1955) cho rằng BBĐTN là sự phân chia thu nhập không đồng đều trong một xã hội, thể hiện qua việc phần lớn dân số bị tụt hậu so với nhóm thiểu số giàu có. Houghton và Kandker (2009) khẳng định BBĐTN gắn liền và bao hàm khái niệm nghèo đói, trong đó, nghèo đói chỉ tập trung vào mức thu nhập bình quân, trong khi BBĐTN chú trọng đến sự phân phối thu nhập cho toàn bộ dân số. Theo OECD (2011), BBĐTN phản ánh cách thức thu nhập được phân phối trong xã hội. Nói cách khác, BBĐTN thể hiện sự phân phối không đồng đều giữa các cá nhân và hộ gia đình trong nền kinh tế (Hoàng Thủy Yến, 2015). Để đo lường BBĐTN, một số thước đo phổ biến có thể kể đến như: Tỷ lệ Q5/Q1 (Kuznets, 1955), Tiêu chuẩn 40 của Ngân hàng Thế giới (Deininger và Squire, 1996), đường cong Lorenz (Coral Lorenz, 1905) và hệ số Gini (Corrado Gini, 1912). Hệ số Gini là chỉ số đo lường BBĐTN được sử dụng rộng rãi nhất do có ưu điểm dễ dàng tính toán và phân tích với độ chính xác cao. Hệ số Gini có công thức tính cụ thể như sau:

$$Gini = 1 - \sum_{i=1}^n (F_i - F_{i-1})(Y_i - Y_{i-1})$$

Trong đó: F_i là phần trăm cộng dồn dân số đến người thứ i , Y_i là phần trăm cộng dồn thu nhập đến người thứ i .

Tự do hóa thương mại (TDHTM), dù đóng vai trò là động lực của tăng trưởng từ lâu, song khái niệm này chỉ được sử dụng rộng rãi từ sau khi Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT)

ký kết năm 1947. Tự do hóa thương mại (TDHTM) là quá trình nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu các rào cản đối với dòng chảy hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia, thông qua việc xóa bỏ hoặc giảm bớt các rào cản thuế quan (thuế quan và phụ phí) và phi thuế quan (quy định về cấp phép, hạn ngạch và các yêu cầu khác) (Acharya, 2015). Để đo lường TDHTM, nhiều chỉ số quan trọng đã được đưa ra bởi các tổ chức quốc tế và nhà nghiên cứu trên thế giới (Krishna, 2009; Ju và cộng sự, 2010; Miller và cộng sự, 2011). Tuy nhiên, hiện nay, để đơn giản trong việc tính toán, khái niệm “độ mở thương mại” thường được sử dụng để đo lường TDHTM, thông qua giá trị tương đối của tổng sản lượng xuất khẩu và nhập khẩu ở một quốc gia so với tổng GDP của quốc gia đó (Alotaibi và Mishra, 2014).

Tự do hóa tài chính (TDHTC) là một quá trình quan trọng trong nền kinh tế hiện đại, được định nghĩa là việc dỡ bỏ các hạn chế trong hệ thống tài chính để thúc đẩy thị trường mở và thu hút đầu tư nước ngoài (Shaharuddin và cộng sự, 2020). Quá trình này bao gồm việc xóa bỏ các hạn chế về quyền sở hữu tài sản của nước ngoài, bãi bỏ các biện pháp kiểm soát tỷ giá hối đoái, và tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn quốc tế chảy qua biên giới (Kwon, 2004). Theo Schmukler và Kaminsky (2003) tự do hóa tài chính có thể được chia thành ba phần, đó là tự do hóa trong nước, tài khoản vốn và thị trường chứng khoán. Để đo lường tự do hóa tài chính, trên thế giới hiện nay thường sử dụng chỉ số Chinn-Ito (KAOPEN) là chỉ số đo lường mức độ mở tài khoản vốn của một quốc gia (Cengiz và Demir, 2023).

Nhìn chung, tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính là hai xu hướng chủ đạo trong nền kinh tế toàn cầu, được thúc đẩy bởi mục tiêu chung là sự tăng trưởng kinh tế thông qua quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và thu hút vốn đầu tư nước ngoài (Acharya, 2015; Cengiz và Demir, 2023). Tuy nhiên, hai chính sách này cũng là nguyên nhân chính gây ra tình trạng bất bình đẳng thu nhập (BBĐTN) ở nhiều quốc gia trên thế giới (Milanovic, 2016). BBĐTN là một chủ đề được thảo luận rất nhiều trong những thập kỷ gần đây nhưng vẫn chưa có nghiên cứu nào đưa ra định nghĩa cụ thể về khái niệm này (WIL, 2018). Kuznets (1955) cho rằng BBĐTN là sự phân chia thu nhập không đồng đều trong một xã hội, thể hiện qua việc phần lớn dân số bị tụt hậu so với nhóm thiểu số giàu có. Nói cách khác, BBĐTN thể hiện sự phân phối không đồng đều giữa các cá nhân và hộ gia đình trong nền kinh tế (Hoàng Thủy Yến, 2015). Để đo lường BBĐTN, hệ số Gini, phát triển bởi Corrado Gini (1912), được sử dụng rộng rãi nhất do có ưu điểm dễ dàng tính toán và phân tích với độ chính xác cao.

Nhiều học thuyết kinh tế đã được đưa ra để giải thích mối quan hệ phức tạp giữa tự do hóa, tài chính và bất bình đẳng thu nhập. Trong đó, một số học thuyết cho rằng tự do hóa thương mại và tài chính có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ đó giúp giảm bớt bất bình đẳng thu nhập (Kuznets, 1955; Stolpher và Samuelson, 1991). Tuy nhiên, các học thuyết khác lại lập luận rằng những chính sách này có thể làm gia tăng bất bình đẳng, do lợi ích của tăng trưởng kinh tế thường tập trung vào nhóm người giàu có và các công ty lớn. (Banerjee và Newman, 1993).

Học thuyết của Kuznets (1955) cho thấy mối quan hệ hình chữ U ngược giữa bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, trong giai đoạn đầu của phát triển kinh tế, bất bình đẳng tăng lên khi nền kinh tế tăng trưởng do một lượng lớn những người có thu nhập thấp làm trong lĩnh vực nông nghiệp chuyển sang lĩnh vực công nghiệp với thu nhập cao hơn và không công bằng trong phân phối thu nhập. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn sau của phát triển kinh tế, bất bình đẳng thu nhập trong nền kinh tế có xu hướng giảm. Điều này được giải thích bởi, khi phần lớn dân số chuyển sang khu vực đô thị, tiền lương của những người lao động nghèo ở thành thị và nông thôn sẽ có sự

tăng lên một cách tương đối. Đồng thời, các chính sách liên quan nỗ lực giảm bất bình đẳng trong nội bộ ngành và giữa các ngành cũng được thực hiện.

Lý thuyết của Banerjee và Newman (1993) xem xét tầm quan trọng của tài chính đối với bất bình đẳng thu nhập. Do thị trường vốn không hoàn hảo, những người nghèo lựa chọn làm công ăn lương thay vì tự kinh doanh, còn những người giàu có trở thành doanh nhân, giám sát người lao động. Tuy nhiên, chỉ khi mức độ bất bình đẳng đủ lớn thì hợp đồng lao động mới được hình thành; ngược lại, nền kinh tế chỉ tồn tại ở hai trạng thái tự cung tự cấp hoặc tự kinh doanh. Đồng thời, mô hình này cũng xem xét sự kém hiệu quả của thị trường tài chính, chẳng hạn như sự bất cân xứng tài chính, chi phí giao dịch và chi phí thực thi hợp đồng. Những vấn đề này trở thành rào cản đối với người nghèo trong khả năng tiếp cận tài chính, do đó việc cải thiện thu nhập không thể xảy ra và làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng.

Lý thuyết thương mại quốc tế Heckscher - Ohlin và Stolper - Samuelson (HO - SS) cho rằng thương mại ảnh hưởng đến lợi nhuận tương đối của các yếu tố sản xuất khác nhau, các quốc gia sẽ chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu những hàng hóa mà họ có năng lực sản xuất vượt trội hơn và nhập khẩu những mặt hàng mà khả năng sản xuất của họ kém hơn (Baskaran và cộng sự, 2011). Nghiên cứu này sử dụng lý thuyết HO - SS về lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế nhằm giải thích hành vi thương mại (Britannica Money, 2023), đưa ra giả thuyết rằng thương mại dẫn đến sự gia tăng tiền lương thực tế của yếu tố khan hiếm và giảm tiền lương thực tế của yếu tố khan hiếm. Do đó, thương mại luôn là sự thỏa hiệp giữa lãi và lỗ đối với một số người (Goh và Law, 2019). Điều này ngụ ý rằng mở cửa thương mại sẽ làm giảm bất bình đẳng thu nhập ở các nước đang phát triển và làm tăng bất bình đẳng thu nhập ở các nước phát triển, cho thấy sự đánh đổi đáng kể giữa mở cửa thương mại và phân phối thu nhập (Gonese và cộng sự, 2022).

3. Dữ liệu và mô hình nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan, tổ chức thống kê có uy tín trên thế giới. Sau khi xử lý dữ liệu và loại bỏ các quan sát không có dữ liệu, bộ dữ liệu bao gồm 903 quan sát, tương ứng với 43 quốc gia ở khu vực Châu Á giai đoạn 2000 - 2020. Cụ thể, dữ liệu về chỉ số bất bình đẳng thu nhập (gni) được thu thập từ cơ sở dữ liệu SWIID (Solt, 2020). Chỉ số tự do hóa tài chính (fin) được thu thập thông qua Chỉ số Chinn-Ito (KAOPEN). Mức độ toàn cầu hóa kinh tế (kegi) và toàn cầu hóa xã hội (ksgi) được đo lường bằng chỉ số thống kê bởi Viện Kinh tế Thụy Sĩ (KOF Swiss Economic Institute). Cuối cùng, dữ liệu liên quan đến các biến còn lại được thu thập từ Ngân hàng Thế giới (World Bank). Trong đó, các biến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (fdi), tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (gdppc) và tổng dân số (pop) được lấy trị số theo logarit tự nhiên để đảm bảo mô hình có phân phối chuẩn.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Kế thừa các học thuyết về mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính và bất bình đẳng thu nhập (Kuznets, 1955; Banerjee và Newman, 1993; Baskaran và cộng sự, 2011) và kết quả của các nghiên cứu trước (Khosro và cộng sự, 2021; Maku và cộng sự, 2021; Akyuz và cộng sự, 2022; Gonese và cộng sự, 2022; Rout, 2022; Ashenafi và Dong, 2023; Mumuni và cộng sự, 2023; Cengiz và Demir, 2023; Taherifar và cộng sự, 2023; Ihsan và cộng sự, 2023), nghiên cứu đo lường

tác động của tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập ở các quốc gia Châu Á giai đoạn 2000 - 2020 thông qua phương trình hồi quy như sau:

$$gni_{it} = \beta_0 + \beta_1*trade_{it} + \beta_2*fin_{it} + \beta_3*lngdppc_{it} + \beta_4*lngdppc2_{it} + \beta_5*unem_{it} + \beta_6*inf_{it} + \beta_7*ksgi_{it} + \beta_8*kegi_{it} + \beta_9*lnpop_{it} + \beta_{10}*lnfdi_{it} + \beta_{11}*inc2_{it} + \beta_{12}*inc3_{it} + \beta_{13}*iq_{it} + u_{it} \quad (1)$$

Bên cạnh đó, để đo lường sự khác biệt theo thu nhập và chất lượng thể chế trong mức độ tác động của tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính đến bất bình đẳng thu nhập, nghiên cứu sử dụng phương trình sau:

$$gni_{it} = \alpha_0 + \alpha_1*int1_{it} + \alpha_2*int2_{it} + \alpha_3*int3_{it} + \alpha_4*int4_{it} + \alpha_4*trade_{it} + \alpha_5*fin_{it} + \alpha_6*lngdppc_{it} + \alpha_7*lngdppc2_{it} + \alpha_8*unem_{it} + \alpha_9*inf_{it} + \alpha_{10}*ksgi_{it} + \alpha_{11}*kegi_{it} + \alpha_{12}*lnpop_{it} + \alpha_{13}*lnfdi_{it} + \alpha_{14}*inc2_{it} + \alpha_{15}*inc3_{it} + \alpha_{16}*iq_{it} + v_{it} \quad (2)$$

Trong đó, gni là biến phụ thuộc, đại diện cho bất bình đẳng thu nhập; trade, fin lần lượt là các biến độc lập, thể hiện cho chỉ số tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính; lngdppc, lngdppc2, unem, inf, ksgi, kegi, lnpop, lnfdi là các biến kiểm soát, lần lượt đại diện cho thu nhập bình quân đầu người và giá trị bình phương của nó, tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát, mức độ toàn cầu hóa xã hội và toàn cầu hóa kinh tế, và tổng dân số. Cuối cùng, inc2, inc3 và iq là các biến giả, đại diện cho nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, nhóm nước có thu nhập trung bình cao và chất lượng thể chế của một quốc gia. Biến int1, int 2, int3 và int4 lần lượt là biến tương tác giữa các nhóm nước có thu nhập và chất lượng thể chế khác nhau với độ mở thương mại và độ mở tài chính. Bảng 1 thể hiện các biến được sử dụng trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 1. Khai báo các biến trong mô hình nghiên cứu

Ký hiệu	Đo lường	Kế thừa nghiên cứu trước
gni	Chỉ số bất bình đẳng thu nhập, tính toán dựa trên thu nhập hộ gia đình trước thuế và phân phối	Akyuz và cộng sự (2022), Mumuni và cộng sự (2023), Cengiz và Demir (2023)
trade	Tổng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu trên tổng GDP	Taherifar và cộng sự (2023), Khoso và cộng sự (2021), Maku và cộng sự (2021)
fin	Chỉ số độ mở tài chính (KAOPEN) được đưa ra bởi Chinn và Ito (2006)	Cengiz và Demir (2023), Ashenafi và Dong (2023)
lngdppc, lngdppc2	Logarit tự nhiên thu nhập bình quân đầu người và giá trị bình phương của nó	Azizah và cộng sự (2019), Dorn và cộng sự (2022)

Ký hiệu	Đo lường	Kế thừa nghiên cứu trước
unem	Tỷ lệ thất nghiệp hàng năm, tính theo % tổng lực lượng lao động	Ihsan và cộng sự (2023), Gonese và cộng sự (2022)
inf	Phần trăm thay đổi hàng năm trong chỉ số giá tiêu dùng	Gonese và cộng sự (2022), Taherifar và cộng sự (2023)
kegi	Chỉ số toàn cầu hóa kinh tế (KOF economic globalization index)	Rout (2022)
ksgl	Chỉ số toàn cầu hóa xã hội (KOF social globalization index)	Dorn và cộng sự (2022)
lnpop	Logarit tự nhiên tổng dân số hàng năm ở các quốc gia	Dorn và cộng sự (2022), Gonese và cộng sự (2022)
lnfdi	Logarit tự nhiên dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng, tính theo % GDP	Ihsan và cộng sự (2023), Cengiz và Demir (2023)
inc2, inc3	<p>Biến giả thể hiện nhóm nước theo thu nhập, trong đó:</p> <p>+ inc2 = 1 ứng với nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, inc2 = 0 ứng với các nhóm nước còn lại</p> <p>+ inc3 = 1 ứng với nhóm nước có thu nhập trung bình cao, inc3 = 0 ứng với các nhóm nước còn lại</p> <p>+ inc2 = 0 và inc3 = 0 ứng với nhóm nước có thu nhập cao</p>	Zehri và cộng sự (2019)
iq	<p>Biến giả thể hiện chất lượng thể chế. Theo đó, chất lượng thể chế (IQ) được đo lường dựa trên 6 yếu tố là: mức kiểm soát tham nhũng, hiệu quả của chính phủ, ổn định chính trị, quyền lực và trách nhiệm, chất lượng chính sách và lực lượng pháp lý. Giá trị của IQ dao động từ -2,5 đến 2,5. Như vậy, iq = 1 ứng với các nước có IQ > 0 và iq = 0 ứng với các nước có IQ ≤ 0.</p>	Koh và cộng sự (2022)

Ký hiệu	Đo lường	Kế thừa nghiên cứu trước
	$int1 = inc2 * trade$	Zehri và cộng sự (2019), Khoso và cộng sự (2021), Koh và cộng sự (2022), Ashenafi và Dong (2023)
int1, int2,	$int2 = inc3 * trade$	
int3, int4	$int3 = inc3 * fin$	
	$int4 = iq * fin$	

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp (2024)

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả kiểm định hệ số phóng đại phương sai VIF cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến ở các biến trong mô hình nghiên cứu. Ngoài ra, kết quả kiểm định Wald cho thấy mô hình FEM tốt hơn POLS và kiểm định Hausman cho thấy mô hình REM tối ưu hơn FEM. Do đó, mô hình REM được chọn là mô hình tối ưu nhất khi thực hiện hồi quy dữ liệu bảng. Tuy nhiên, khi kiểm tra hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan của mô hình REM, kết quả kiểm định Baltagi and Li (1990) và Wooldridge Test cho thấy có xuất hiện các khuyết tật này trong mô hình. Do đó, nhóm tác giả sử dụng kỹ thuật ước lượng bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) để xử lý các khuyết tật trong mô hình. Kết quả ước lượng mô hình theo phương pháp GLS được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Kết quả ước lượng tác động của tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập ở các quốc gia châu Á

Biến	Mô hình không có biến tương tác (1)	Mô hình có biến tương tác (2)
	gni	gni
int1		-0,0122** (0,00540)
int2		0,0191*** (0,00418)
int3		-0,421** (0,202)
int4		-0,378** (0,184)
trade	0,0190*** (0,00161)	0,0179*** (0,00166)
fin	-0,734***	-0,310*

	(0,124)	(0,165)
lngdppc	5,098*** (1,111)	3,944*** (1,090)
lngdppc2	-0,254*** (0,0701)	-0,170** (0,0686)
unem	0,257*** (0,0244)	0,248*** (0,0310)
inf	-0,0433*** (0,0117)	-0,0399*** (0,0131)
ksgi	-0,110*** (0,0104)	-0,123*** (0,0120)
kegi	0,139*** (0,0119)	0,126*** (0,0137)
lnpop	0,774*** (0,0769)	0,754*** (0,0825)
lnfdi	-0,510*** (0,0893)	-0,417*** (0,0939)
inc2	5,635*** (0,674)	6,792*** (0,816)
inc3	3,202*** (0,512)	1,915*** (0,695)
iq	0,604** (0,245)	0,461* (0,263)
Tung độ gốc	-7,879* (4,079)	-2,419 (4,005)
Số quan sát	903	903
Số quốc gia	43	43

* $p < 0,1$, ** $p < 0,05$, *** $p < 0,01$.

Giá trị độ lệch chuẩn trong ngoặc đơn

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp (2024)

Mô hình (1) ở bảng 2 cho thấy hệ số hồi quy của biến tự do hóa thương mại (trade) có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, với độ lớn bằng 0,0190 và mang dấu dương, nghĩa là bất bình đẳng thu nhập sẽ

tăng lên 0,0190 đơn vị nếu độ mở thương mại tăng thêm 1 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả này trùng khớp với kết quả của Naanwaab (2023), Taherifar và cộng sự (2023), Dorn và cộng sự (2022). Mặc dù bất bình đẳng giữa các quốc gia đã thu hẹp phần nào trong những thập kỷ gần đây, nhưng bất bình đẳng thu nhập trong nội bộ quốc gia đã tăng lên ở nhiều nước đang phát triển và phát triển (Nolan và cộng sự, 2019). Theo Stolpher và Samuelson (1991), tình trạng BBĐTN sẽ gia tăng ở các nước công nghiệp tiên tiến có lực lượng lao động tay nghề cao vì nhóm lao động này sẽ được hưởng nhiều phúc lợi tốt hơn so với các nhóm lao động có kỹ năng thấp. Hơn nữa, tự do hóa thương mại có thể dẫn đến sự tập trung vốn vào các doanh nghiệp lớn, làm giảm thu nhập cho các doanh nghiệp nhỏ và lao động tự do (Rodrigue-Lopez và Yu, 2023).

Đối với tự do hóa tài chính (fin), với mức ý nghĩa 1%, hệ số hồi quy có giá trị bằng 0,734 và mang dấu âm, chứng tỏ độ mở tài chính tăng lên sẽ làm giảm tình trạng BBĐTN ở các quốc gia châu Á. Kết quả này được Cengiz và Demir (2023) và Zhang và Naceur (2019) ủng hộ. Nghiên cứu của (Ullah và cộng sự, 2022) cho thấy tự do hóa tài khoản vốn làm giảm bất bình đẳng thu nhập trong các nền kinh tế có mức độ phát triển sâu rộng của khu vực tài chính thông qua cải thiện hiệu quả hoạt động của ngân hàng và giảm chi phí vay. Thị trường tài chính được duy trì ở trạng thái cân bằng với sự dịch chuyển tăng lên của lãi suất tiền gửi, từ đó giúp giảm bất bình đẳng thu nhập (Bumann và Lensink, 2016).

Khi kiểm tra mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tình trạng bất bình đẳng thu nhập, nhóm tác giả bổ sung thêm biến $\ln gdp_{pc2}$. Kết quả hồi quy ủng hộ giả thuyết EKC khi hệ số hồi quy của $\ln gdp_{pc}$ mang dấu dương và của $\ln gdp_{pc2}$ mang dấu âm với mức ý nghĩa 1%. Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, tình trạng bất bình đẳng thu nhập tăng lên vì quốc gia đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, dẫn đến thu nhập cao sẽ tập trung vào một nhóm nhỏ trong nền kinh tế. Khi nền kinh tế đạt đến một trình độ phát triển nhất định, thu nhập bình quân đầu người tăng cao, các quốc gia có thể đầu tư vào giáo dục, y tế và an sinh xã hội, dẫn đến giảm tình trạng bất bình đẳng thu nhập (Dix-Carneiro và Kovak, 2023). Phần lớn các quốc gia ở châu Á là các nền kinh tế đang phát triển, do đó, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa thường được chú trọng phát triển.

Bên cạnh tăng trưởng kinh tế, sự tăng lên của tỷ lệ thất nghiệp ($unem$) và tổng dân số ($\ln pop$) hàng năm cũng làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Với mức ý nghĩa 1%, hệ số hồi quy của $unem$ và $\ln pop$ lần lượt là 0,257 và 0,774 và đều mang dấu dương. Khi tỷ lệ thất nghiệp cao, người lao động có ít quyền thương lượng hơn và buộc phải chấp nhận mức lương thấp, từ đó làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo (ADB, 2023). Hơn nữa, khi người thân trong gia đình mất việc làm, toàn bộ các thành viên khác sẽ phải chịu ảnh hưởng về tài chính, dẫn đến việc cắt giảm chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu như giáo dục, y tế và nhà ở, làm giảm chất lượng cuộc sống của các hộ gia đình nghèo (ILO, 2023). Châu Á là khu vực có số dân đông nhất thế giới và tình trạng gia tăng dân số hàng năm đã góp phần làm xấu hơn tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Nhu cầu sử dụng phúc lợi xã hội làm gia tăng áp lực lên ngân sách chính phủ, khiến người nghèo khó càng khó khăn hơn (Ota, 2017).

Khác với tỷ lệ thất nghiệp ($unem$) và tổng dân số ($\ln pop$), tỷ lệ lạm phát (inf) lại là yếu tố giúp kiểm soát tình trạng BBĐTN ở các quốc gia châu Á. Với mức ý nghĩa 1%, hệ số hồi quy của inf có giá trị bằng 0,0433 và mang dấu âm. Đây là phát hiện tương đối mới so với các nghiên cứu trước vì về mặt lý thuyết, lạm phát sẽ làm tăng BBĐTN do làm giảm sức mua của người nghèo và giảm giá trị thực của các khoản viện trợ chính phủ (Saimi-Namini và Hudson 2019). Tuy nhiên, trong một số

trường hợp, lạm phát có thể thúc đẩy tăng lương, đặc biệt là cho các ngành nghề có năng suất cao, điều này giúp thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các nhóm lao động (Saimi-Namini và Hudson 2019).

Tương tự với tỷ lệ lạm phát (inf), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Infdi) cũng là một yếu tố giúp cải thiện tình trạng BBĐTN ở châu Á. Hệ số hồi quy của Infdi bằng 0,510 và có giá trị âm ở mức ý nghĩa 1%, chứng tỏ vốn FDI có thể giúp nâng cao mức sống của người lao động thông qua thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Tsai, 1995). Ngoài ra, việc du nhập công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý hiện đại vào nước chủ nhà giúp còn nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, từ đó thu nhập của doanh nghiệp và người lao động tăng trưởng tốt hơn (UNCTAD, 2021).

Cuối cùng, yếu tố có tác động mạnh mẽ đến BBĐTN ở châu Á là chỉ số toàn cầu hóa, ở đây được chia thành toàn cầu hóa kinh tế (kegi) và toàn cầu hóa xã hội (ksgi). Dù cùng thể hiện mức độ hội nhập quốc tế của một quốc gia, song hai chỉ số này lại có sự khác biệt khi gắn chúng vào mối quan hệ với BBĐTN. Ở mức ý nghĩa 1%, toàn cầu hóa kinh tế (kegi) có tương quan dương với BBĐTN, song toàn cầu hóa xã hội (ksgi) lại có chiều hướng tác động ngược lại. Toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến sự di chuyển tự do của lao động và vốn giữa các quốc gia, đặc biệt là trong khu vực châu Á. Sự di chuyển lao động này đã làm gia tăng cạnh tranh lao động, dẫn đến áp lực giảm lương đối với người lao động (Wong, 2016). Ngược lại, toàn cầu hóa xã hội giúp cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao kỹ năng của người lao động và tăng khả năng kiếm thêm thu nhập của họ (Milanovic, 2016).

Bên cạnh các nhân tố kinh tế có tác động đến BBĐTN, nhóm tác giả thấy rằng tình trạng mất cân đối thu nhập có sự khác biệt giữa các nhóm quốc gia. Cụ thể, biến inc2 và inc3 đều có ý nghĩa ở mức 1%, mang dấu dương và giá trị của inc2 lớn hơn so với inc3 ($5,635 > 3,202$), chứng tỏ tình trạng BBĐTN sẽ trầm trọng hơn ở các nước có thu nhập thấp. Nguyên nhân là vì các nước có thu nhập thấp thường sẽ có hệ thống thuế, an sinh xã hội yếu kém (Milanovic, 2016) và vốn thường sẽ tập trung vào tay của số ít người giàu (Atkinson, 2010). Ngoài ra, khi xem xét đến biến chất lượng thể chế (iq), hệ số hồi quy mang giá trị dương và có ý nghĩa ở mức 5%, cho thấy dù chính sách quốc gia khá tốt song lại không hướng đến quyền lợi của tầng lớp lao động yếu kém thì tình trạng BBĐTN ở châu Á vẫn không được cải thiện.

Bên cạnh đó mô hình (2) bảng 2 cho thấy có sự khác biệt khi xét mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại (trade) và BBĐTN của các quốc gia theo nhóm thu nhập. Theo đó, khi xét mối quan hệ này tại các quốc gia có thu nhập trung bình thấp, tương ứng với inc2 = 1 và inc3 = 0, hệ số hồi quy của int1 mang giá trị âm (-0,0122) với mức ý nghĩa 5%. Điều đó chứng tỏ rằng quá trình hội nhập kinh tế tại nhóm quốc gia này sẽ góp phần làm giảm BBĐTN. Kết quả này là tương đồng với nghiên cứu của (Huang và cộng sự, 2022), cho rằng độ mở thương mại làm giảm BBĐTN ở các quốc gia có thu nhập thấp. Thương mại giữa các nước tiên tiến và đang phát triển có thể giúp các nước đang phát triển thu hút dòng vốn công nghệ từ các nước thu nhập cao (Das, P., 2022), từ đó làm giảm chi phí sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, và giả định rằng thu nhập cao hơn do tăng trưởng kinh tế được phân bổ đồng đều thì có thể làm giảm BBĐTN về tổng thể (Naanwaab, 2022).

Đối với các quốc gia có thu nhập trung bình cao, tương ứng với inc2 = 0 và inc3 = 1, hệ số hồi quy của int2 mang giá trị dương (0,0191) với mức ý nghĩa 1%. Tương tự, tại các quốc gia có thu nhập cao, hệ số hồi quy của trade tương ứng với inc2 = 0 và inc3 = 0, cũng đồng thời mang giá trị dương (0,0190). Kết quả này cho thấy tự do hóa thương mại sẽ tác động và làm tăng BBĐTN tại nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao trở lên. Kết quả của nghiên cứu là tương đồng với nghiên cứu của (Huang và cộng sự, 2022), cho thấy mối quan hệ nghịch chiều giữa tự do hóa thương mại và BBĐTN

tại nhóm nước thu nhập trung bình cao và cao. Đồng thời, khi sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu 2 giai đoạn (two-stage least squares), nghiên cứu của Dorn và cộng sự (2018) cùng đồng thời chỉ ra rằng độ mở thương mại sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng BBĐTN ở các nền kinh tế tiên tiến.

Đồng thời, từ mô hình (2) bảng 2 cũng cho thấy có sự khác biệt khi xét mối quan hệ giữa tự do hóa tài chính (fin) và BBĐTN của các quốc gia phân theo thu nhập và chất lượng thể chế. Theo đó, khi xét mối quan hệ này tại các quốc gia có thu nhập trung bình cao, tương ứng với $inc3 = 1$ và $iq = 0$, hệ số hồi quy của $int3$ mang giá trị âm (-0,421) tại mức ý nghĩa 5%, điều này cho thấy tại nhóm quốc gia này, tự do hóa tài chính sẽ góp phần làm giảm BBĐTN. Theo Saci (2021) tự do hóa tài chính có thể thúc đẩy tăng trưởng và phân phối vốn hiệu quả hơn bằng cách nới lỏng các điều kiện cho vay, do đó giảm bớt tình trạng BBĐTN. Nguyên nhân chính khiến người nghèo gặp thường khó khăn về tài chính là sự hạn chế về lịch sử tín dụng và tài sản thế chấp. Vì vậy, khi điều kiện cho vay được nới lỏng thì họ sẽ được hưởng lợi nhiều hơn người giàu (Galor và Zeira, 1993).

Đối với các quốc gia có chất lượng thể chế tốt nói chung, tương ứng với $inc3 = 0$ và $iq = 1$, hệ số hồi quy của $int4$ là -0,378. Điều này chứng tỏ rằng tự do hóa tài chính sẽ làm giảm tình trạng BBĐTN tại các quốc gia có chất lượng thể chế tốt. Kết quả này là tương đồng với kết quả các nghiên cứu được thực hiện tại các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương (Koh và cộng sự, 2022; Gonesse và cộng sự, 2022; Kouadio & Gakpa, 2022) cho rằng việc cải thiện chất lượng thể chế tốt sẽ làm giảm tình trạng BBĐTN. Tuy nhiên, nghiên cứu của Beji (2019) tại 21 quốc gia châu Phi, lại cho rằng độ mở tài chính không có tác động đáng kể tới BBĐTN ở các quốc gia có chất lượng thể chế tương đối cao.

5. Kết luận và một số khuyến nghị nhằm giúp các quốc gia giảm bất bình đẳng thu nhập và hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững

5.1. Kết luận

Toàn cầu hóa là một làn sóng mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển bùng nổ trên toàn thế giới, đặc biệt là các quốc gia Châu Á. Tuy nhiên, đi kèm với tăng trưởng kinh tế, BBĐTN ngày càng gia tăng là một thách thức lớn cho sự phát triển bền vững tại Châu Á. Nghiên cứu này nhằm đóng góp vào cơ sở thực nghiệm về mối quan hệ của TDHTM, TDHTC, đồng thời phản ánh các khía cạnh khác nhau của toàn cầu hóa kinh tế đến BBĐTN và hướng tác động này trong giai đoạn 2000 - 2020 đối với các quốc gia Châu Á. Theo kết quả phân tích, TDHTM có tác động làm tăng BBĐTN, trong khi TDHTC lại giúp giảm bớt tác động tiêu cực này. Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, toàn cầu hóa kinh tế, quy mô dân số và thể chế chính trị cũng góp phần làm trầm trọng thêm tình trạng BBĐTN ở Châu Á. Trong khi đó, tỷ lệ lạm phát, toàn cầu hóa xã hội và đầu tư trực tiếp nước ngoài lại có tác động ngược lại. Tuy nhiên, khi xem xét các mối quan hệ này theo từng nhóm thu nhập, TCHTC giúp giảm BBĐTN ở nhóm nước thu nhập trung bình nhưng lại làm tăng BBĐTN ở các nước thu nhập cao trong trường hợp chất lượng thể chế ở các nước này không ổn định. Cuối cùng, học thuyết Kuznets được kiểm định và xác thực sự phù hợp trong trường hợp các quốc gia Châu Á.

5.2. Một số khuyến nghị nhằm giảm bất bình đẳng thu nhập và hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững

Đề giảm thiểu BBĐTN và tác động tiêu cực của TDHTM cũng như tận dụng các cơ hội từ TDHTC, nghiên cứu là nền tảng để đưa ra một số đề xuất về chính sách như sau:

Thứ nhất, cần tạo cơ chế cân bằng lợi ích giữa các nhóm đối tượng kinh tế khác nhau khi tham gia vào nền thương mại tự do. Các chính sách bảo vệ nền công nghiệp nhỏ và nông nghiệp sẽ giúp người lao động giảm nguy cơ mất việc làm. Hơn nữa, nhà nước có thể hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các hoạt động như trợ cấp tài chính, tư vấn, hỗ trợ thuế,... để giúp nâng cao năng lực cạnh tranh với các tập đoàn đa quốc gia.

Thứ hai, tận dụng một cách hiệu quả các nguồn tài chính từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo ra nhiều việc làm trong xã hội. Nhà nước cần chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và sử dụng nhiều lao động. Bên cạnh đó, chính phủ cần kiểm soát lạm phát bằng chính sách tài khóa và tiền tệ để giúp nền kinh tế ổn định và giảm áp lực tài chính cho các hộ gia đình.

Thứ ba, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc đầu tư vào giáo dục, đặc biệt ở các khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa để nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng lao động giúp đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Điều này còn giúp giảm BBĐTN bằng cách tạo ra cơ hội công bằng hơn cho tất cả mọi người, từ đó nâng cao khả năng tiếp cận công việc có thu nhập cao.

Thứ tư, xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện và hiệu quả. Chính phủ có thể tận dụng các nguồn lực tài chính từ mở cửa thương mại để nâng cao mức chi trả cho các chương trình an sinh xã hội như trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp người cao tuổi, trợ cấp y tế,... Tuy nhiên, cần đảm bảo hệ thống an sinh xã hội được quản lý một cách minh bạch và hiệu quả để tránh lãng phí và thất thoát.

Thứ năm, nâng cao thể chế chính trị nhằm cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và đảm bảo bình đẳng trong thu nhập. Nhà nước có vai trò đảm bảo minh bạch về thu chi ngân sách, hoạt động của các cơ quan chính quyền, tăng cường giám sát của nhân dân đối với hoạt động của nhà nước. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí và vi phạm pháp luật.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu mới

Dù kết quả thực nghiệm đã thể hiện các biến số trong mô hình giải thích được tác động đến BBĐTN, nghiên cứu vẫn tồn tại một hạn chế như chưa xem xét đến các đặc điểm kinh tế về vị trí địa lý, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của từng quốc gia và các biến động kinh tế toàn cầu. Việc bổ sung các yếu tố này vào mô hình nghiên cứu trong tương lai có thể giúp đánh giá chính xác hơn tác động của TDHTM và TDHTC đến BBĐTN, đồng thời đưa ra các khuyến nghị chính sách phù hợp hơn cho mỗi quốc gia. Ngoài ra, những nghiên cứu sau có thể thêm các yếu tố về công nghệ như mức độ áp dụng công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, cơ sở hạ tầng,... vào mô hình nghiên cứu để đánh giá toàn diện tình trạng BBĐTN trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Acharya, S. (2015), “Trade liberalization.”, *Palgrave dictionary of emerging markets and transition economics*, pp. 393-412.
- Akyuz, M., Gueye, G. N. & Karul, C. (2022), “Long-run dynamics between trade liberalization and income inequality in the European Union: a second generation approach.”, *Empirica*, Vol.49 No. 3, pp. 769-792.
- Alotaibi A., Mishra A. (2014). “Determinants of international financial integration of GCC markets.”, *Emerg Markets Glob Econ*, pp. 749–771.
- Ashenafi, B. B. & Dong, Y. (2023), “Financial openness, financial sector development, and income inequality: With an extensive set of pull and push factors.” *African Development Review*, Vol. 35 No. 2, pp. 138-151.
- Atkinson, A. B. & Leigh, A. (2010), “The distribution of top incomes in five Anglo-Saxon countries over the twentieth century.”, *IZA Discussion Papers*, No. 4937.
- Azizah, S. N., Fauziyyah, N. E. & Qoyum, A. (2019), “Short-run and Long-run Relationship between Economic Growth, Foreign Direct Investment, Trade Liberalization and Education on Income Inequality: Evidence from Indonesia.”, *Journal of Islamic Finance*, Vol 8, pp. 047-055.
- Banerjee, A. V. & Newman, A. F. (1993), “Occupational choice and the process of development.”, *Journal of political economy*, Vol. 101 No. 2, pp. 274-298.
- Baskaran, T., Blöchl, F., Brück, T. & Theis, F. J. (2011), “The Heckscher–Ohlin model and the network structure of international trade.”, *International Review of Economics & Finance*, Vol. 20 No. 2, pp. 135-145.
- Beck, T., Demircuc-Kunt, A. & Levine, R. (2004), “Finance, inequality, and poverty: Cross-country evidence.”, *Policy Research Working Papers*, Available at: <https://doi.org/10.1596/1813-9450-3338>
- Bumann, S. & Lensink, R. (2016), “Capital account liberalization and income inequality.”, *Journal of International Money and Finance*, No. 61, pp. 143-162.
- Cengiz, V. & Demir, S. (2023), “Trade Openness, Financial Openness and Income Inequality: Empirical Evidence for MIST Countries/Ticari Açıklık, Finansal Açıklık ve Gelir Eşitsizliği İlişkisi: MIST Ülkeleri için Ampirik Bulgular.” *Uluslararası Ekonomi İşletme ve Politika Dergisi*, Vol.7 No.1, pp. 16-27.
- Chancel, L., Piketty, T., Saez, E. & Zucman, G. (Eds.). (2022). “World inequality report 2022.”, *Harvard University Press*, Available at: <https://www.hup.harvard.edu/books/9780674273566>
- Dabla-Norris, E., Kochhar, K., Suphaphiphat, N., Ricka, F. & Tsounta, E. (2015), “Causes and Consequences of Income Inequality: A Global Perspective”, *International Monetary Fund* , No. 2015/013.
- Dix-Carneiro, R. & Kovak, B. K. (2023), “Globalization and Inequality in Latin America.”, *III Working Paper Lacir Series*, No. 92.

Dorn, F., Fuest, C. & Potrafke, N. (2022), “Trade openness and income inequality: New empirical evidence.”, *Economic Inquiry*, Vol. 60 No. 1, pp. 202-223.

Ferrant, G., Pesando, L. M. & Nowacka, K. (2014), “Unpaid Care Work: The missing link in the analysis of gender gaps in labour outcomes.”, *Boulogne Billancourt: OECD Development Center*, Available at: https://www.oecd.org/dev/development-gender/Unpaid_care_work.pdf

Gini, C. (1912), “Variabilità e mutabilità: contributo allo studio delle distribuzioni e delle relazioni statistiche.[Fasc. I.]”, Tipogr. di P. Cuppini, Available at: <https://search.worldcat.org/title/Variabilita-e-mutabilita-contributo-allo-studio-delle-distribuzioni-e-delle-relazioni-statistiche.-Fasc.-I./oclc/83150327>

Goh, L. T. & Law, S. H. (2019), “The effect of trade openness on income inequality with the role of institutional quality.”, *Indonesian Journal of Economics, Social, and Humanities*, Vol.1 No.2, pp. 65-76.

Gonese, D., Tsegaye, A., Kapingura, F. & Khumalo, S. A. (2022), “Trade Openness and Income Inequality: A Case of Southern African Development Community Countries.”, *Eurasian Journal of Economics and Finance*, Vol. 10 No. 4, pp. 135-151.

Heimberger, P. (2019). “Beeinflusst die ökonomische Globalisierung die Einkommensungleichheit? Eine Meta-Analyse.” *Wirtschaft und Gesellschaft*, Vol. 45 No. 4 pp. 497-529.

Hoàng, T. Y. (2015), “Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.”, *Luận án Tiến Sĩ*.

Hossain, R. M. & Amin, S. B. (2022), “The Effect of Capital Account Liberalization on Income Inequality, focusing on South Asia.”, *International Journal of Economics and Financial Issues*, Vol. 12 No. 3, pp. 121.

Jayashankar, A. & Murphy, A. (2023), “High inflation disproportionately hurts low-income households.”, *Federal Reserve Bank of Dallas*, Available at: <https://www.dallasfed.org/research/economics/2023/0110>.

Ju, J., Wu, Y. & Zeng, L. (2010), “The impact of trade liberalization on the trade balance in developing countries”, *IMF Staff Papers*, No. 57, pp. 427-449.

Kaminsky, G. L. & Schmukler, S. L. (2003), “Short-run pain, long-run gain: the effects of financial liberalization.”, *International Monetary Fund*, No. 2003/034.

Khoso, N. A., Rajput, S., Aziz, T., Hussain, A. & Jahanzeb, A. (2021), “Trade openness and income inequality: fresh evidence based on different inequality measures.”, *Applied Economics Journal*, Vol. 28 No. 2 , pp. 63-81.

Koh, S. G., Lee, G. H. & Siah, A. K. (2022), “The resurgence of income inequality in Asia-Pacific: The role of trade openness, educational attainment and institutional quality.”, *Jurnal Ekonomi Malaysia*, Vol. 56 No. 3, pp. 11-27.

Krishna, K. (2009), “The IMF's trade restrictiveness index. IEO Background Paper.”, *Independent Evaluation Office of the International Monetary Fund*, Washington, DC.

Kwon, E. (2004), “Financial liberalization in south korea.”, *Journal of Contemporary Asia*, Vol. 34 No. 1, pp. 70-101.

Levine, R. (2005), “Finance and Growth: Theory and Evidence in Handbook of Economic Growth”, *Eds. Philippe Aghion and Steven Durlauf*, Elsevier North Holland. Publishers, pp. 866-934.

Maku, O. E., Ogede, J. S., Adelowokan, O. A. & Oshinowo, B. O. (2021), “Exploring the interaction of trade openness, income inequality, and poverty in Nigeria.”, *Journal of Enterprise and Development*, Vol. 3 No. 2, pp. 113-130.

Milanovic, B. (2016), “Global inequality: A new approach for the age of globalization.”, *Harvard University Press*, Available at: <https://www.hup.harvard.edu/books/9780674984035>

Miller, T., Holmes, K. R., & Feulner, E. J. (2011), *Index of economic freedom*, Washington, DC. The Heritage Foundation and Dow Jones & Company, Inc.

Mumuni, S. & Abille, A. B. (2023), “Do trade liberalization and external debt offset income inequality? New evidence from selected African countries.”, *Cogent Economics & Finance*, Vol. 11 No. 2, pp. 2241228.

Nolan, B., Richiardi, M. & Valenzuela, L. (2019), “The drivers of income inequality in rich countries.”, *Journal of Economic Surveys*, Vol.33 No.4, pp. 1285–1324.

Ota, T. (2017), “Economic growth, income inequality and environment: assessing the applicability of the Kuznets hypotheses to Asia.”, *Palgrave Communications*, Vol. 3 No. 1, pp. 1-23.

Rodrigue-Lopez, A. & Yu, M. (2023), “All-around trade liberalization and firm-level employment: Theory and evidence from China.”, *In Input Trade Liberalization in China*, pp. 231-283.

Rout, S. K. (2022). “Income Inequality in India: The Role of Openness and Technology Diffusion.”, Available at: SSRN 4113076.

Seguino, S., Sumner, A., van der Hoeven, R., Sen, B. & Ahmed, M. (2013). “Humanity divided: Confronting inequality in developing countries.”, *UNDP*, Available at: <https://www.undp.org/publications/humanity-divided-confronting-inequality-developing-countries>.

Shaharuddin, S. S., Munir, A. F., Albaity, M. & Ismail, I. (2020), “The Relationship Between Financial Liberalization and Economic Growth in Emerging Asian Economies.”, *Hamdard Islamicus*, No. 43, pp. 373-393.

Simon Kuznets. (1955), “Economic growth and income inequality.”, *The American Economic Review*, Vol. 45 No. 1, pp. 1-28.

Solt, F. (2020), “Measuring income inequality across countries and over time: The standardized world income inequality database.”, *Social Science Quarterly*, Vol. 101 No. 3, pp. 1183-1199.

Stolpher, W. F. & Samuelson, P. A. (1991), “Factor proportions and the Heckscher-Ohlin model.”, *The American Economic Review*, Vol. 81 No.1, pp. 1-20.

Taherifar, R., Holmes, M. J. & Hassan, G. M. (2023). “Does economic openness matter in the impact of financial development on income inequality?”, *Working Papers in Economics*, No. 23/04.

Tsai, P. L. 1995, "Foreign Direct Investment and Income Inequality: Further Evidence.", *World Development* 23, pp. 469–483.

ULLAH, I., TUNIO, F. H., ULLLAH, Z. & NABI, A. A. (2022), "The impact of capital account openness on income inequality: Empirical evidence from Asia.", *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, Vol.9 No.2, pp. 49-59.

Urata, S. & Narjoko, D. A. (2017), "International trade and inequality", *ADB Working Paper*, No. 675.

Wong, M. Y. H. (2016), "Globalization, spending and income inequality in Asia Pacific.", *Journal of Comparative Asian Development*, Vol. 15 No. 1, pp. 1-18.

Zehri, C. (2019), "Impact of financial liberalisation on income inequality: A PVAR approach", *EERI Research Paper Series*, No. 09/201.